TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HS-ST.
Ngày: 21/01/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đời.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hương Thủy;

Ông Phạm Thế Hùng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự thụ lý số: 623/2024/TLST-HS ngày 25/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 724/2024/QĐXXST-HS ngày 23/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HS ngày 03/01/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thái T**, sinh năm 1998 tại Đà Nẵng. Nơi cư trú: Tổ B, phường H, quận L, Thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do. Cha tên Phạm Thái Q (sinh năm 1970), Mẹ tên Phạm Thị Cẩm L (sinh năm 1979); vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 30/2022/HS-ST ngày 13/7/2022; chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2023. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/7/2024 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (bị cáo có mặt tại phiên tòa đặt tại điểm cầu thành phần).

- *Người bị hại*: Ông **Thái Đăng K**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: C Đường B, Khu phố D, phường P, thanh phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thái T nợ tiền của người tên N ngoài xã hội 20.000.000 đồng, không có khả năng trả nợ nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. T hẹn anh Thái Đăng K (sinh năm 1990) là bạn mới quen đi uống cà phê tại quán C đường số A, phường P, TP ., T lấy lý do đi chở bạn để mượn xe, rồi sau đó sẽ chiếm đoạt xe của anh K. T nhắn tin qua Zalo hẹn gặp anh K vào lúc 18giờ ngày 03/08/2022 thì anh K đồng ý. Đến khoảng 21giờ cùng ngày, T bắt xe G đến khu vực ngã tư cách quán cà phê khoảng 200m để đợi anh K. Anh K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu X-Bạc biển số 83D1-112.16 đến gặp T và chở T đến quán cà phê đã hẹn. Sau khi đến, T hỏi mượn xe của anh K để đi đón bạn nữ đến uống cà phê cùng thì được anh K đồng ý. Sau đó, T đã điều khiển xe đến tiệm cầm đồ ở địa chỉ số H Đường K, phường L, thành phố T để cầm cố chiếc xe thì chủ tiệm cầm đồ yêu cầu T cung cấp giấy đăng ký xe mô tô và thẻ căn cước công dân. Lúc này, T mở cốp xe thì thấy có 01 ví cá nhân màu nâu đã cũ có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 83D1-112.16 (bản chính); 01 giấy phép lái xe hạng A1 (bản chính); 01 giấy chứng minh nhân dân tất cả đều mang tên Thái Đăng K. T đưa cho chủ tiệm cầm đồ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 83D1-112.16 (bản chính); 01 giấy phép lái xe hạng A1 (bản chính); 01 giấy chứng minh nhân dân và chủ tiệm đồng ý cầm cố với số tiền 17.000.000 đồng, T lấy tiền tiêu xài cá nhân. Xác minh tiệm cầm đồ trên không còn hoạt động đã lâu nên không ghi được lời khai của chủ tiệm cầm đồ.

Sau khi chiếm đoạt xe mô tô của anh K thì T tắt mọi liên lạc với anh K. Đến ngày 07/08/2022, T mở điện thoại và thấy anh K nhắn tin với mong muốn chuộc xe nên T tiếp tục lừa dối anh K. T nhắn tin với anh K "muốn lấy xe thì chuyển cho tao 6.000.000 đồng thì tao sẽ trả xe về" và hẹn anh K đến khu vực bệnh viện T8 để giao trả xe. T nhắn cho anh K số tài khoản ngân hàng A3, tên chủ tài khoản là Nguyễn Văn L1 thuộc Ngân hàng V với nội dung chuyển tiền là "trả nợ long". Anh Khoa chỉ thực hiện chuyển đến tài khoản trên số tiền là 2.000.000 đồng, không ghi "trả nợ long" và T đã chiếm đoạt số tiền này nhưng không trả lại xe cho anh K.

T khai do không có số tài khoản tại ngân hàng nên đã nhờ bạn tên Nguyễn Văn T1 (là bạn quen ngoài xã hội) gửi số tài khoản có tên Nguyễn Văn L1 cho T. T dặn T1 khi nào anh K chuyển tiền thì báo cho T. Sau khi anh K chuyển tiền thì T1 báo cho T, T đến 01 tiệm điện thoại (không nhớ địa chỉ) xin nhờ số tài khoản để T1 chuyển 2.000.000 đồng cho T, T1 không biết tiền này là tiền do T lừa anh K. Kết quả xác minh người tên Nguyễn Văn L1 có địa chỉ thường trú tại 2 Nhà chung phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cơ quan điều tra làm việc với Công an phường C1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng có kết quả tại địa chỉ trên không có nhân khẩu tên Nguyễn Văn L1 đăng ký thường trú. Chủ hộ

là ông Võ Xuân H1 sinh sống, xác nhận không có người tên Nguyễn Văn L1 đăng ký thường trú hoặc tạm trú tại nhà trên (BL 26, 27).

Đến ngày 08/08/2022, T đã tìm kiếm trên mạng xã hội và liên hệ với tài khoản Facebook có tên "xe máy TNT" thu mua xe máy cũ và trao đổi với người tên T2 (chưa xác định) để thỏa thuận bán xe của anh K, hẹn gặp tại tiệm cầm đồ tại địa chỉ số H đường K, phường L, Thành phố T để xem xe và tiến hành giao dịch mua bán. Đến ngày 09/08/2022, anh Nguyễn Anh D được T2 giới thiệu đến mua xe của T, cả hai gặp nhau ở tiệm cầm đồ 873A và sau đó anh D thanh toán số tiền cầm cố xe là 17.000.000 đồng cho chủ tiệm và lấy xe của T ra xem, T nói là xe của anh họ nhờ bán giúp. Sau khi nhận xe từ tiệm cầm đồ và kiểm tra thì anh D không đồng ý mua với lý do là xe đã cũ và yêu cầu T mang xe đi cầm cố và trả lại tiền cho anh D nhưng T không cầm cố được, không có tiền trả lại anh D. Anh Duy đã điều khiển xe trên cùng giấy chứng nhận xe tên Thái Đăng K ra về. Sau đó, anh D đăng lên mạng xã hội bán xe người có tài khoản facebook tên "Khoa 66" bán giá 18.000.000 đồng.

Qua xác minh, tài khoản Facebook tên "Khoa 66" có họ tên là Đàm Anh K1, sinh năm: 1989; hộ khẩu tại P, T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Đàm Anh K1 mua chiếc xe trên mang về để tại nhà của anh Nguyễn Hùng P và nhờ anh P đăng thông tin hình ảnh lên trang Facebook cá nhân để bán. Anh P khai năm 2022, anh P làm nghề sửa chữa xe mô tô tại nhà thì có Đàm A Khoa quen biết với anh P từ trước thông qua việc mua bán xe mô tô đã qua sử dụng. K1 nói với anh P về việc sẽ đưa những xe mô tô do K1 mua lại của người khác về tiệm của anh P để nhờ anh P chụp ảnh xe đăng bán trên trang Facebook cá nhân của anh P, sau khi bán được xe K1 sẽ trả tiền công cho anh P từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng (tuỳ vào loại xe). Đến khoảng tháng 8/2022, K1 có đem 01 xe mô tô biển số 83D1-112.16, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu Xanh-Bạc, số khung RLCUG0610GY255961, số máy G3D4E268864 về tiệm của P, bên trong cốp xe có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô bản chính, 01 giấy chứng minh nhân dân photo, 01 giấy phép lái xe photo (tất cả đều mang tên Thái Đăng K). K nói với anh P chiếc xe mô tô này mua với giá 12.000.000 đồng và sau đó anh P chụp hình chiếc xe kèm giấy đăng ký xe và đăng bán trên trang cá nhân tên "Phước Nguyễn". Sau đó có anh Trần Văn S mua lại xe trên, K đưa cho anh P số tiền công là 500.000 đồng. K trực tiếp làm thủ tục rút hồ sơ gốc và sang tên sau khi bán cho anh S. Lúc này anh S kinh doanh buôn bán xe mô tô đã qua sử dụng nên không có thời gian để đi làm thủ tục ký kết mua bán, rút hồ sơ gốc và sang tên cho chủ sở hữu. Anh S nhờ anh Phan T3 là người làm thuê cho anh S để anh T5 đứng tên chủ sở hữu cho chiếc xe mô tô biển số 83D1-112.16, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu Xanh-Bạc, số khung RLCUG0610GY255961, số máy G3D4E268864 để thuận lợi cho việc mua bán chiếc xe này về sau. Tại thời điểm giao dịch mua bán anh P có cung cấp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy bản chính, 01 giấy chứng minh nhân dân photo, 01 giấy phép lái xe photo, đều mang tên Thái Đăng K và sau khi kiểm tra thông tin chủ sở hữu phù hợp và số khung, số máy không bị thay đổi nên anh S đồng ý mua. Bên phía anh P chịu trách nhiệm làm thủ tục rút hồ sơ gốc và sang tên chủ

sở hữu từ Thái Đăng K sang P (Đàm Anh K1 thực hiện). Sau đó, anh S đã bán chiếc xe mô tô này cho anh Lê Tuấn A1 giá 24.000.000 đồng. Khi thực hiện giao dịch mua bán, do anh S và anh Tuấn A1 có quen biết nhau từ trước nên không tiến hành ký giấy mua bán với nhau. Trước khi thực hiện giao dịch mua bán anh Tuấn A1 được anh S cho xem và kiểm tra thông tin của chiếc xe mô tô trên, sau khi xác định chiếc xe mô tô có giấy tờ đầy đủ và số khung, số máy không bị thay đổi và trùng khớp với giấy đăng ký xe nên anh Tuấn A1 đã đồng ý mua.

Sau đó anh Tuấn A1 bán lại xe trên cho anh Trần Văn T4 với giá tiền là 27.000.000 đồng vào ngày 28/8/2022 (mua với hình thức trả góp hàng tháng). Anh Tuấn A2 có trách nhiệm rút hồ sơ gốc và làm thủ tục sang tên chủ sở hữu cho anh T4. Hiện nay chiếc xe mô tô biển số 83D1-112.16, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu Xanh-Bạc đã được sang tên từ Phan Thanh T5 sang Trần Văn T4 và ra biển số mới là 66C1-683.61. Anh T4 đã thay đổi màu sơn của chiếc xe mô tô từ X – Bạc sang màu sơn Đ - Bạc. Sau khi làm việc với Cơ quan Điều tra và được Cơ quan Điều tra thông báo chiếc xe mô tô do anh T4 mua lại là xe do phạm tội mà có, nên anh T4 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu Đỏ - Bạc, số khung RLCUG0610GY255961, số máy G3D4E268864 có gắn biển số 66C1-683.61 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy.

Tại cơ quan Điều tra, các anh Nguyễn Anh D; Nguyễn Hùng P; Trần Văn S; Phan ThanhTùng; Lê Tuấn A1; Trần Văn T4 khai nhận toàn bộ nội dung diễn biến như trên.

Cơ quan Điều tra đã tiến hành cho anh Nguyễn Anh D và Phạm Thái T tiến hành nhận dạng qua hình ảnh, kết quả cả hai nhận dạng được hình ảnh nhau. Tiến hành cho anh Nguyễn Anh D và Phạm Thái T đối chất với nhau, kết quả cả hai đều trình bày phù hợp về lời khai.

Cơ quan Điều tra đã tiến hành cho anh Thái Đăng K và Phạm Thái T nhận dạng nhau qua hình ảnh, kết quả cả hai nhận được hình ảnh nhau. Tiến hành cho anh Thái Đăng K và Phạm Thái T đối chất nhau, kết quả đối chất lời khai của cả hai phù hợp nhau.

Cơ quan Điều tra xác minh Đàm Anh K1 sinh năm 1989 hộ khẩu tại D P, T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp có kết quả: K1 đã bán nhà đi khỏi địa phương khoảng 10 năm, hiện không còn cư trú tại địa phương (BL 131). Xác minh Đàm Anh K1 tại địa chỉ 4 đường N, khu phố I, phường H, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có kết quả: Đàm Anh K1 có thực tế cư trú tại địa chỉ trên từ tháng 10/2021 đến tháng 5/2022 thì K1 đi đâu không rõ (BL 255).

Cơ quan Điều tra đã có văn bản gửi Phòng P1 Công an tỉnh Đ đề nghị cung cấp hình ảnh của Đàm Anh K1 để ra thông báo truy tìm; có văn bản gửi Công an xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng yêu cầu làm rõ việc tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận, thu hồi, đăng ký biển số xe mô tô 83D1-112.16, quá trình công chứng ủy quyền liên quan đến xe trên nhưng hiện nay chưa có kết quả trả lời.

Cơ quan Điều tra có văn bản gửi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (M) xác minh chủ tài khoản 140319949999 nhưng chưa có kết quả trả lời. Cơ quan Điều tra có văn bản gửi Trung tâm T9 xác minh chủ thuê bao số điện thoại 0703850846, 0702622220 nhưng chưa có kết quả trả lời.

Kết luận định giá số 121-KV2/KLĐG-HĐĐGTS ngày 15/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha Exciter GP 150, biển số 83D1-112.16 có giá trị 30.170.000 đồng (BL 15).

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu Đỏ - Bạc, số khung RLCUG0610GY255961, số máy G3D4E268864.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 66000341, tên sở hữu là Trần Văn T4.

- 01 biển số xe 66C1-683.61.

-Số tiền 19.000.000 đồng (do mẹ của T nộp khắc phục hậu quả).

Trách nhiệm dân sự: Ông Thái Đăng K yêu cầu được trả lại xe mô tô biển số 83D1-112.16 và bồi thường số tiền 2.000.000 đồng đã chuyển khoản cho T.

Bà Phạm Thị Cẩm L là mẹ của Phạm Thái T giao nộp số tiền 19.000.000 đồng cho Cơ quan Điều tra để khắc phục hậu quả.

Anh T4 giao nộp lại xe trên, không có yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số: 572/CT-VKSTPTĐ ngày 19/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố Phạm Thái T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng.

- Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và nhất trí với nội dung truy tố của Viện kiểm sát.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thái T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Về

vật chứng và trách nhiệm bồi thường dân sự đề nghị xem xét xử lý, giải quyết theo quy định.

- Bị cáo T không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến gì khác.

- Lời nói sau cùng: Bị cáo T nhận thức được hành vi sai trái của mình, thật sự ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, áp dụng hình phạt với mức án khoan hồng để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại – ông Thái Đăng K đã được Tòa án thông báo triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhưng bị hại chỉ gửi Đơn xin bãi nại cho Tòa án, vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử bị hại theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo, của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vì động cơ tư lợi, cần tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Phạm Thái T đã 02 lần thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của ông Thái Đăng K. Cụ thể, tại quán C, đường số A, khu phố D, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, T đã có hành vi gian dối chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 83D1-112.16 của ông K có giá trị theo kết luận định giá là 30.170.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục lừa dối anh K chuyển tiền cho T số tiền 2.000.000 đồng để T trả xe lại cho anh K nhưng T đã chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng của anh K rồi bỏ trốn. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt của anh K là 32.170.000 đồng.

Xét hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân một cách nhanh chóng nên đã nãy sinh ý định và thực hiện hành vi vi phạm như trên. Hành vi của bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", giá trị tài sản mà bị

cáo chiếm đoạt là 32.170.000 đồng đồng nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS, do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh theo điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Điều 174 "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" BLHS quy định: *1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T6 02 lần thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, giá trị tài sản chiếm đoạt của các lần đều đủ cấu thành tội phạm, do đó bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại, do đó cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Ngoài ra, bị cáo có đơn bãi nại của bị hại, do đó đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, trước đây bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 30/2022/HS-ST ngày 13/7/2022, trong quá trình chờ thi hành án của bản án trên, bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên, điều đó thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc nhân thân nêu trên của bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ - bạc, xét thấy xe này nguồn gốc là của anh Thái Đăng K, sau khi bị T chiếm đoạt xe bị mang đi bán lại cho nhiều người khác, người cuối cùng đứng tên sở hữu là anh Trần Văn T4. Anh T4 đã tự nguyện nộp lại chiếc xe này cho cơ quan điều tra và không có yêu cầu gì khác. Anh K có yêu cầu được nhận lại tài sản trên, do đó cần thiết giao trả chiếc xe này lại cho anh K.

- Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 66000341, tên chủ sở hữu là Trần Văn T4. Xét thấy anh T4 đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe trên, do đó Giấy chứng nhận này không còn giá trị sửi dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 19.000.000 đồng do mẹ bị cáo T nộp khắc phục hậu quả. Xét quá trình chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo T đã bồi thường trực tiếp cho bị hại - ông Thái Đăng

K, tại Đơn xin bãi nại ông K cũng xác nhận đã nhận đủ số tiền bồi thường, do đó cần giao trả lại cho mẹ bị cáo T số tiền 19.000.000 đồng nêu trên.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường xong, không có yêu cầu thêm nên không xem xét giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 174 BLHS quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với người tên Nguyễn Văn L1 và Nguyễn Văn T1 là bạn quen ngoài xã hội của K, do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với thủ tục lập giấy ủy quyền và chứng thực hợp đồng mua bán xe biển số: 83D1-112.16 tại tỉnh Sóc Trăng, hiện nay chưa có văn bản trả lời nên Cơ quan Điều tra tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự ra xử lý sau theo quy định.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét nhân thân cũng như tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo để có mức hình phạt phù hợp nhất.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Phạm Thái T** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo **Phạm Thái T** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- T7 giao trả lại cho ông Thái Đăng K (sinh năm 1990; Căn cước công dân số: 094090003374) 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu Đỏ - Bạc, số khung: RLCUG0610GY255961, số máy: G3D4E268864.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 66000341, tên chủ sở hữu Trần Văn T4.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 88C ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

- T7 giao trả lại cho mẹ của bị cáo Phạm Thái T là bà Phạm Thị Cẩm L (sinh năm 1979; Căn cước công dân số: 048179001169) số tiền 19.000.000 (mười chín triệu) đồng.

(Theo Phiếu hạch toán nộp tiền mặt số 19001 của Ngân hàng B; Nội dung: Thu hộ Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức vụ án do Phạm Thái T lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quyết định chuyển vật chứng số 18/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 1430/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Buộc các bị cáo Phạm Thái T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Bị cáo Phạm Thái T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Sở Tư pháp
TP.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án (Đ-K.Anh) 15.

Danh Đời